

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 70 /2023/HSST
Ngày: 06 - 9 - 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Tài

2. Bà Lưu Thị Dung

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên toà:** Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2023/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn P; sinh ngày 11/11/1992; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Thanh H và bà Bùi Thị T; có vợ là Bùi Thị L và 01 con, sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: 02 tiền sự là; ngày 30/6/2020 bị Tòa án nhân dân Quận Ba Đình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng tính từ ngày 19/5/2020, Ngày 13/02/2023 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã thực hiện nộp phạt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2023 đến ngày 28/4/2023, sau đó bị tạm giam từ ngày 28/4/2023 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Chị Bùi Thị L1, sinh năm 2004; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 18/4/2023, Bùi Văn P sinh năm 1992 trú tại thôn B, xã T, huyện T đi bộ một mình từ xã T, huyện T đến khu vực thị trấn V, huyện T, khi P đi qua quán T3 tại khu phố P, thị trấn V thì thấy có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S màu đen – xám, biển kiểm soát E1-016.54 của chị Bùi Thị L1 sinh năm 2004 trú tại khu phố P, thị trấn V, huyện T dựng ở trước cửa quán tạp hóa. P nhìn thấy chiếc xe trên không có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định P tiến lại gần chiếc xe mô tô và dắt xe ra đường quốc lộ 217B rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng xã T. Sau đó P tiếp tục điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được theo đường đi xã T về thị trấn K, huyện T. Khi đến khu phố L, thị trấn K, P vào quán sửa xe của anh Nguyễn Ngọc T1 sinh năm 1988 trú tại khu phố L, thị trấn K, tại đây P đã hỏi anh T1 có mua xe không và trao đổi bán chiếc xe P đã lấy trộm được cho anh T1 lấy 2.000.000 đồng, nhận được tiền Phương đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày chị Bùi Thị L1 phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị kẻ gian trộm cắp đi nên chị L1 đã đến Công an huyện T trình báo sự việc.

Ngày 19/4/2023 nhận thấy hành vi của mình vi phạm pháp luật, không thể trốn tránh nên Bùi Văn P đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị chiếc xe mô tô HONDA Wave S, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 36E1-016.54 cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Đối với anh Nguyễn Ngọc T1, là người mua chiếc xe trộm cắp được của Bùi Văn P, P khai quá trình trao đổi mua bán P nói với anh T1 chiếc xe mô tô là tài sản của gia đình P, giấy tờ P đã cầm cố ở tỉnh Bắc Ninh, do cần tiền giải quyết việc cá nhân nên mới bán xe, khi mua anh T1 không biết chiếc xe là tài sản do P phạm tội mà có, đồng thời khi Cơ quan điều tra đến làm việc anh T1 đã chủ động giao nộp chiếc xe mô tô trên để phục vụ hoạt động điều tra. Do đó hành vi của Nguyễn Ngọc T1 không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên của Bùi Văn P quá trình điều tra P còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2017 Bùi Văn P còn có hành vi nhiều lần giao cấu với chị Bùi Thị L sinh ngày 24/01/2001 trú tại thôn M, xã T, huyện T là vợ hiện tại của P, dẫn đến chị L có thai, đến ngày 03/4/2017 thì sinh ra cháu Bùi Thanh T2, thời điểm P giao cấu với chị L, chị L là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Cơ quan điều tra đã triệu tập chị L nhiều lần để làm việc tuy nhiên hiện nay chị L bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được chị L đi đâu, làm gì, với ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa làm việc được với chị L để thu thập chứng cứ, xác minh hành vi phạm tội của P. Vấn đề này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự để tiếp tục điều tra theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 xe mô tô HONDA Wave S, màu sơn đen- xám, biển kiểm soát 36E1 -016.54 cũ, đã qua sử dụng.

Sau khi tiến hành định giá tài sản xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị L1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị L1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu Bùi Văn P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng mà anh T1 đã bỏ ra mua chiếc xe trộm cắp của P, hiện tại P chưa bồi thường khoản tiền này.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKSTT, ngày 14/8/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Bùi Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt Bùi Văn P từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà anh đã bỏ ra mua chiếc xe máy là 2.000.000 đồng, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Vào khoảng 13 giờ ngày 18/4/2023, tại khu phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Bùi Văn P đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô HONDA Wave S, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 36E1 – 016.54 của chị Bùi Thị L1 có giá trị là 6.000.000 đồng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng mà VKS truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án hình sự trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn P thực hiện. Bản thân bị cáo là người có sức khỏe và đang trong độ tuổi lao động nhưng không chịu khó làm ăn, kiếm sống một cách lương thiện, chỉ vì ham chơi bời và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo là người nghiện ma túy, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo mới chấp hành xong nhưng không lấy đó làm bài học mà lại dấn thân vào con đường phạm tội. Do đó cần lên cho bị cáo một mức án phù hợp để răn đe, giáo dục bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[5]. Kết quả điều tra, xác minh bị cáo Bùi Văn P hiện tại không có tài sản và thu nhập không đáng kể nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với anh Nguyễn Ngọc T1 là người đã mua chiếc xe máy do P đem bán. Tuy nhiên, khi mua chiếc xe máy này, anh T1 không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, khi biết nguồn gốc tài sản liên quan đến hành vi trộm cắp anh T1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy phục vụ công tác điều tra. Vì vậy, hành vi của anh T1 không vi phạm pháp luật.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà anh đã bỏ ra mua chiếc xe máy là 2.000.000 đồng, Đây là yêu cầu hợp pháp do đó chấp nhận yêu cầu này anh T1.

[8]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô HONDA Wave S, màu sơn đen- xám, biển kiểm soát 36E1 -016.54 cũ, đã qua sử dụng. Sau khi tiến hành định giá tài sản xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị L1 là đúng quy định.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 19/4/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 127; Điều 131 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Bùi Văn P phải trả cho anh Nguyễn Ngọc T1 số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Bùi Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL & NV liên quan;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Thạch Thành;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Đình Tâm

Trần Thị Dần

Bùi Văn Hải

